

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



An Giang - Tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty được chuyển đổi từ Đoàn Quản lý Đường thủy Nội địa Số 13 thành công ty cổ phần theo Biên bản họp ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Đoàn quản lý đường thủy Nội địa số 13.

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 13 (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Vốn điều lệ là 8.475.580.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13, tên viết tắt là: WAMICO NO 13

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 B Ngô Quyền, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thanh Tòng	Thành viên
	Ông Phan Văn Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Nhạn	Thành viên
	Ông Trần Hải Nam	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Ngô Xuân Hà	Giám đốc
	Ông Phan Văn Bình	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Tòng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Xuân Hà
Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Số: 76/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Ngô Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3621-2016-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		21.426.074.645	17.262.030.343
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.719.308.944	1.618.186.742
1. Tiền	111		7.719.308.944	1.618.186.742
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.092.617.105	15.084.338.162
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	13.585.195.602	14.867.512.571
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	208.903.000	528.930.800
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(701.481.497)	(312.105.209)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	165.145.204	207.233.001
1. Hàng tồn kho	141		165.145.204	207.233.001
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		449.003.392	352.272.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	449.003.392	352.272.438
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.733.777.076	2.006.548.745
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		1.733.777.076	2.006.548.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.733.777.076	2.006.548.745
- Nguyên giá	222		8.856.367.262	8.695.912.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.122.590.186)	(6.689.363.971)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		23.159.851.721	19.268.579.088



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		11.911.582.424	8.188.859.221
I- Nợ ngắn hạn	310		11.911.582.424	8.188.859.221
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	3.639.841.600	2.980.679.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		206.000.000	135.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.461.362.981	1.643.325.169
4. Phải trả người lao động	314		3.005.266.415	2.164.475.757
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	2.931.880.000	305.807.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		667.231.428	959.572.068
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		11.248.269.297	11.079.719.867
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	11.248.269.297	11.079.719.867
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.475.580.000	8.475.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.475.580.000	8.475.580.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		903.773.824	529.990.729
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.868.915.473	2.074.149.138
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		1.868.915.473	2.074.149.138
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		23.159.851.721	19.268.579.088

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Nhận



Nguyễn Văn Nhận



Ngô Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	34.650.817.684	32.022.629.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.12	34.650.817.684	32.022.629.775
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	26.030.514.787	24.922.473.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.620.302.897	7.100.155.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	21.849.449	34.593.985
7. Chi phí tài chính	22		7.894.910	3.737.641
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.894.910	3.737.641
8. Chi phí bán hàng	25	5.15	411.228.351	315.223.084
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.16	5.108.169.963	3.837.727.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.114.859.122	2.978.061.272
11. Thu nhập khác	31	5.17	-	478.853.957
12. Chi phí khác	32	5.17	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	478.853.957
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.114.859.122	3.456.915.229
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	622.971.824	691.383.046
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.491.887.298	2.765.532.183
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	2.646	2.937

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Nguyễn Văn Nhạn


 Nguyễn Văn Nhạn



 Ngô Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.114.859.122	3.456.915.229
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	433.226.215	475.718.882
- Các khoản dự phòng	03	389.376.288	31.340.116
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.849.449)	(34.593.985)
- Chi phí lãi vay	06	7.894.910	3.737.641
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.923.507.086	3.933.117.883
- Biến động các khoản phải thu	09	1.602.344.769	(6.019.716.585)
- Biến động hàng tồn kho	10	42.087.797	1.354.426.750
- Biến động các khoản phải trả	11	1.567.402.065	942.134.710
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(96.730.954)	(34.689.079)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.894.910)	(3.737.641)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(801.383.046)	(306.100.819)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(541.529.370)	(64.825.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.687.803.437	(199.390.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(160.454.546)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.430.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.849.449	34.593.985
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.605.097)	1.464.593.985
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.931.880.000	305.807.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(305.807.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.074.149.138)	(980.863.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	551.923.862	(675.056.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.101.122.202	590.147.434
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.618.186.742	1.028.039.308
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	7.719.308.944	1.618.186.742

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Văn Nhận

Nguyễn Văn Nhận

Ngô Xuân Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Đoàn Quản lý Đường thủy Nội địa Số 13 thành công ty cổ phần theo Biên bản họp ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Đoàn quản lý đường thủy Nội địa số 13.

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 13 (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1601968090 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Vốn điều lệ là 8.475.580.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAYS MANAGEMENT MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY NO 13, tên viết tắt là: WAMICO NO 13

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 02 là 8.475.580.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Bộ Giao Thông Vận Tải	407.558	4.075.580.000	48,09%
Ông Ngô Xuân Hà	67.000	670.000.000	7,91%
Ông Phan Văn Bình	38.700	387.000.000	4,57%
Ông Nguyễn Thanh Tòng	13.100	131.000.000	1,54%
Ông Nguyễn Hữu Mai	12.800	128.000.000	1,51%
Bà Trương Thị Yến Nga	60.200	602.000.000	7,10%
Các cổ đông khác	248.200	2.482.000.000	29,28%
Tổng	847.558	8.475.580.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 B Ngô Quyền, phường Mỹ Đình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Số lao động tại ngày 31/12/2018: 90 người (tại ngày 31/12/2017 là 91 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành như: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; nạo vét sông, kênh, sang lấp mặt bằng./.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	20 - 50
Máy móc, thiết bị khác	03 - 15
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

019
TY T
A TO
IET
NH
CHÍ M
INH -

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Công ty tạm phân phối các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông lần thứ nhất số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018, Công ty trích quỹ Đầu tư phát triển là 15%; quỹ khen thưởng phúc lợi là 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí nguyên vật liệu, chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	309.508.429	112.295.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.409.800.515	1.505.891.086
Cộng	7.719.308.944	1.618.186.742

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.585.195.602	14.867.512.571
Ban Quản lý dự án NN và PTNN	738	691.582.738
Chi Cục đường thủy Nội địa Phía Nam	6.483.661.862	1.015.476.000
Cục đường thủy Nội địa Việt Nam	6.213.593.000	9.935.185.400
Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	111	1.603.505.111
Các đối tượng còn lại	887.939.891	1.621.763.322
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	13.585.195.602	14.867.512.571

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	208.903.000	-	528.930.800	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	198.903.000	-	528.930.800	-
Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	208.903.000	-	528.930.800	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tàu Cuộc	2.460.000	-	2.460.000	-
Công ty Cầu 14	45.139.880	-	45.139.880	-
Công ty Xây dựng Công trình 2	44.803.746	-	44.803.746	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	11.327.176	-	11.327.176	-
Công ty Cổ phần Tàu Cuộc	101.109.462	-	101.109.462	-
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	6.615.999	-	6.615.999	-
Công ty Cầu 14	22.348.425	-	22.348.425	-
Công ty Cổ phần Đường sông số 2	99.121.000	99.121.000	99.121.000	99.121.000
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	434.571.000	-	484.571.000	484.571.000
Công ty CP Xây dựng Đê kè và Phát triển Nông thôn Hải Dương	-	-	63.573.000	19.071.900
Công ty TNHH MTV TAYDOSHIN	30.347.809	-	30.347.809	9.104.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam	-	-	15.996.909	7.998.454
DNTN Hà Tấn Đạt	3.940.000	1.182.000	3.940.000	1.970.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thanh Quang	-	-	5.175.000	2.587.500
Công ty điện lực An Giang	7.649.000	7.649.000	7.649.000	7.649.000
Cộng	809.433.497	107.952.000	944.178.406	632.073.197

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.4 Nợ xấu (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

701.481.497 312.105.209

Trong đó:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc	-	-	-	101.109.462
Công ty Cổ phần Đường sông số 2	-	-	-	99.121.000
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	-	-	-	434.571.000
Các đối tượng còn lại	-	-	-	174.632.035

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	165.145.204	-	207.233.001	-
Cộng	165.145.204	-	207.233.001	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	449.003.392	352.272.438
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	449.003.392	352.272.438
b) Dài hạn	-	-
Cộng	449.003.392	352.272.438

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	1.749.927.163	508.600.841	6.437.384.712	-	8.695.912.716
Tăng trong năm	-	88.636.364	-	71.818.182	160.454.546
Mua trong năm	-	88.636.364	-	71.818.182	160.454.546
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	1.749.927.163	597.237.205	6.437.384.712	71.818.182	8.856.367.262
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	1.125.784.142	501.438.075	5.062.141.754	-	6.689.363.971
Tăng trong năm	54.578.784	13.625.831	358.438.265	6.583.335	433.226.215
Khấu hao trong năm	54.578.784	13.625.831	358.438.265	6.583.335	433.226.215
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	1.180.362.926	515.063.906	5.420.580.019	6.583.335	7.122.590.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	624.143.021	7.162.766	1.375.242.958	-	2.006.548.745
Tại ngày 31/12/2018	569.564.237	82.173.299	1.016.804.693	65.234.847	1.733.777.076

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 2.966.184.565 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 1.210.996.058 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	3.639.841.600	3.639.841.600	2.980.679.227	2.980.679.227
Hợp tác xã Vận tải An Giang	-	-	385.440.000	385.440.000
Công ty TNHH Cơ Khí Giao thông Thành Đạt	-	-	375.385.000	375.385.000
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Phương Thảo SG	303.600.000	303.600.000	408.273.467	408.273.467
Công ty TNHH Thương mại - Thiết kế - Xây dựng An Khang Gia	-	-	1.588.940.760	1.588.940.760
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Chiến Thắng	987.309.000	987.309.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thái Thắng	2.008.514.000	2.008.514.000	-	-
Các đối tượng còn lại	340.418.600	340.418.600	222.640.000	222.640.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.639.841.600	3.639.841.600	2.980.679.227	2.980.679.227

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018		31/12/2018	
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp	1.643.325.169	4.179.906.142	4.361.868.330	1.461.362.981
Thuế GTGT	1.166.942.123	3.465.081.769	3.468.632.735	1.163.391.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	476.383.046	622.971.824	801.383.046	297.971.824
Thuế thu nhập cá nhân	-	63.115.829	63.115.829	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	26.736.720	26.736.720	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm Tăng	Giảm
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.931.880.000	2.931.880.000	2.931.880.000	305.807.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Petrolimex - Chi nhánh An Giang (*)	2.931.880.000	2.931.880.000	2.931.880.000	305.807.000
b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.931.880.000	2.931.880.000	2.931.880.000	305.807.000

(*) Vay Ngân hàng TMCP Cổ phần Petrolimex - Chi nhánh An Giang

Số tiền được vay: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 540.0031/2018/HĐTDHM-DN/PGBank AG ngày 30/01/2018. Hạn mức tín dụng tối đa là 15.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ và số dư bảo lãnh hiện tại của bên vay.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thi công công trình. Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành và bảo lãnh tạm ứng

Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 29/12/2017 đến ngày 31/12/2018

Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 8 tháng.

Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của PG bank. Tại thời điểm 31/12/2018, lãi suất: 10%/ năm

Hình thức đảm bảo tiền vay: Bên vay thế chấp toàn bộ tài sản được liệt kê tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng hạn mức số 540.00031/2018/HĐTDHM-DN/PGBank AG

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2018: 2.931.880.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	8.475.580.000	115.160.902	977.180.621	9.567.921.523
Tăng trong năm	-	414.829.827	2.765.532.183	3.180.362.010
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	2.765.532.183	2.765.532.183
Phân phối lợi nhuận	-	414.829.827	-	414.829.827
Giảm trong năm	-	-	1.668.563.666	1.668.563.666
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	414.829.827	414.829.827
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	276.553.218	276.553.218
Chia cổ tức năm 2016	-	-	977.180.621	977.180.621
Số dư tại 31/12/2017	8.475.580.000	529.990.729	2.074.149.138	11.079.719.867
Số dư tại 01/01/2018	8.475.580.000	529.990.729	2.074.149.138	11.079.719.867
Tăng trong năm	-	373.783.095	2.491.887.298	2.865.670.393
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	2.491.887.298	2.491.887.298
Phân phối lợi nhuận	-	373.783.095	-	373.783.095
Giảm trong năm	-	-	2.697.120.963	2.697.120.963
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	373.783.095	373.783.095
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	249.188.730	249.188.730
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	2.074.149.138	2.074.149.138
Số dư tại 31/12/2018	8.475.580.000	903.773.824	1.868.915.473	11.248.269.297

(*) Công ty tạm phân phối các quỹ theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông lần thứ nhất số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018, Công ty trích quỹ Đầu tư phát triển là 15%; quỹ khen thưởng phúc lợi là 10% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và chia cổ tức năm 2017 tương đương 24,47%/vốn chủ sở hữu..

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bộ Giao thông vận tải	4.075.580.000	4.075.580.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	4.400.000.000	4.400.000.000
Cộng	8.475.580.000	8.475.580.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	8.475.580.000	8.475.583.931
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	3.931
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	8.475.580.000	8.475.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.074.149.138	977.180.621

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	847.558	847.558
Cổ phiếu phổ thông	847.558	847.558
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

d. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	903.773.824	529.990.729
Cộng	903.773.824	529.990.729

5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.650.817.684	32.022.629.775
Cộng	34.650.817.684	32.022.629.775

5.13 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	26.030.514.787	24.922.473.803
Cộng	26.030.514.787	24.922.473.803

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	21.849.449	34.593.985
Cộng	21.849.449	34.593.985

5.15 Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bằng tiền khác	411.228.351	315.223.084
Cộng	411.228.351	315.223.084

5.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.776.891.393	1.690.170.950
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.557.388	117.920.012
Chi phí khấu hao TSCĐ	74.787.950	116.307.194
Thuế phí và lệ phí	28.747.720	28.747.720
Chi phí dự phòng	389.376.288	31.340.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.444.000	67.243.372
Chi phí bằng tiền khác	2.573.365.224	1.785.998.596
Cộng	5.108.169.963	3.837.727.960

5.17 Thu nhập/chi phí thuần khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Xử lý nợ không cần phải trả	-	478.853.957
Cộng	-	478.853.957
<i>Chi phí khác</i>		
Cộng	-	-
Thu nhập khác thuần	-	478.853.957

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.114.859.122	3.456.915.229
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
1.2 Thu nhập chịu thuế	3.114.859.122	3.456.915.229
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	622.971.824	691.383.046
Thuế TNDN hiện hành	622.971.824	691.383.046

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 13

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.19 Lãi trên cơ bản cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.491.887.298	2.765.532.183
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(249.188.730)	(276.553.218)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.242.698.568	2.488.978.965
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	847.558	847.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.646	2.937

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.422.235.899	6.917.476.264
Chi phí nhân công	10.812.693.961	10.130.341.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	433.226.215	475.718.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.020.814.819	7.656.923.541
Chi phí khác bằng tiền	3.403.468.756	2.362.530.087
Cộng	31.092.439.650	27.542.990.249

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.740.908.262	1.369.355.917

6.2 Số liệu so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Văn Nhận

Nguyễn Văn Nhận

Ngô Xuân Hà